

KINH TÔ TẤT ĐỊA

PHẦN 2

Bản cập nhật tháng 7/2014

<http://kinhmatgiao.wordpress.com>

TÔ TÁT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG PHÁP
QUYỀN THƯỢNG

Hán dịch: Đại Đường_ Trung Ấn Độ Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Sưu tập Thủ Ấn và phục hồi Phạn Chú : HUYỀN THANH

Quy mệnh chư **Như Lai** (Tathāgata)
Và **Pháp** (Dharma), **chúng Bồ Tát** (Bodhisatva-saṃgha)
Bộ **Liên Hoa** (Padma-kulāya), **Kim Cang** (Vajra-kulāya)
Cùng các hàng quyền thuộc
Nay Ta y **Giáo** (Śāstra, hay Āgama) nói
Pháp Trì Tụng Cúng Dường
Lược thông cả **ba Bộ** (Tri-kulāya)
Thứ tự với tương ứng
_ Trước xem nơi **Thần Thất**
Lại rõ Pháp việc ấy
Đối, nhận được **Chân Ngôn** (Mantra)
Với Pháp tác **tay Ấn** (Mudra)
Ở ngoài, chỗ ra vào
Pháp chia đất **Tỷ Tịnh**
Quét dọn nơi **Thần Thất**
Pháp trừ bỏ hoa héo
Tắm gội, tỵ **Quán Đảnh** (Abhiṣeka)
Pháp hiến ba vốc nước
Đến nơi cửa Thần Thất
Pháp thay áo, vẩy thân
Vào Thất liền lễ bái
Pháp bày biện món cúng
Sổ châu (tràng hạt) và Thần Tuyền
Vòng cổ tranh, các Pháp
Dâng hiến nước **Ú Già** (Argha)
Và Pháp để Tòa báu
Lại bày **Tam Ma Đa** (Samaya)
Trừ chướng nạn của thân
Tịnh Trì và tẩy dơ
Pháp thanh tịnh **quang trạch** (sáng bóng)
Hộ Thân với **kết Giới** (Sīmā- Bandha)
Pháp trên, dưới, tám phương (tức 10 phương)
Đầu tiên tưởng **Thần Tọa** (Devatāsana)
Pháp quán niệm Bản Tôn
Tùy theo nơi chốn ở
Phụng thỉnh nơi Tôn pháp
Dùng Bản Chơn Ngôn ấy
Khải thỉnh Bản Tôn xong

Liền xua đuôi các **Ma** (Mārā)
 Pháp dâng **Tòa** (Asana) khiến ngồi
 Lại bày Tam Ma Da
 Liền dâng nước Ứ Già
 Pháp tắm Tôn, dâng áo
 Tiếp hiến **Hương xoa** (Gandha), **hoa** (Puspa)
Hương đốt (Dhūpa), đồ ăn uống
 Pháp đốt đèn cúng dường
Chơn Ngôn (Mantra) và **tay ấn** (Mudra)
 Pháp vận Tâm **cúng dường** (Pūja)
 Nhóm ngợi khen, **sám** (Kṣama) **hối** (Āpatti-pratideśana)...
 Hộ Thân với thân mình
 Và hộ nơi chốn ấy
 Pháp liên **kết Đại Giới** (Mahā-sīmā-bandha)
 Sấm đũa **Phạ Nhật La** (Vajra: chày Kim Cang)
 Cùng số châu, các Pháp
 Đầy đủ Chơn Ngôn phần
 _ Tiếp Pháp ngồi trì tụng
 Cầu thỉnh việc mong cầu
 Với hộ chỗ niệm tụng
 Pháp hồi thí **Công Đức** (Guṇa)
 Khởi rộng lớn, phát **Nguyện** (Praṇidhāna)
 Lại dâng nước Ứ Già
 Pháp hương xoa, hương đốt...
 Lại y Tam Ma Da
 Hộ Thân với thân mình
 Giải Phương Giới đã kết
 Sau làm Pháp **Phát Khiển**
Hộ Ma (Homa) các chi phần
 Túc **Lư** (lò), **Thần** với **đất**
 Thiêu, cúng... đầy đủ Pháp
 Chuyển đọc **Kinh Phương Quảng** (Vaipulya-sutra)
 Với Pháp làm **Chế Đễ** (Caitye: Tháp miếu thờ)
 Tiếp làm **Từ Đẳng Quán**
 Suy nghĩ Pháp **sáu Niệm** (Saḍ-anusmṛtayah)
 Thứ tự nhóm như vậy
 Nay Ta lược nói xong

Thấy chỗ của Thần Thất tức là vào **Mạn Đà La** (Maṇḍala) rải hoa rơi xuống vị nào thì quy y với Tôn ấy

Biết rõ Pháp của việc ấy tức là được **Tối Thắng Thọ Minh Quán Đảnh**, vâng theo chỗ ấn khả của **A Xà Lê** (Ācārye), khiến truyền Pháp **Quán Đảnh** cho đến khiến làm các Quán Đảnh khác

Đối diện thọ nhận Chơn Ngôn với Thủ Ấn tức là người thọ pháp, tắm gội sạch sẽ, mặc áo quần mới sạch, ở chỗ thanh tịnh ấy, quỳ gối cung kính, đối trước A xà lê, thọ nhận Chơn Ngôn với tác Thủ Ấn. Thời A xà lê trước tiên tụng ba biến, chuyển trao cho kẻ ấy. Người ấy thọ nhận xong, tụng ba biến, sinh vui vẻ sâu xa, đội trên đảnh đầu (đảnh đối) phụng trì (làm theo lời dạy). Đây là **đối thọ** (ở ngay nơi A Xà Lê được

thọ nhận), tùy sức bày biện, dâng lên A Xà Lê, rộng giải Pháp xong, mới có thể lần lượt làm Pháp niệm tụng này.

Chỗ ra vào ở bên ngoài, tức là lúc sáng sớm khi thức dậy, đi đến chỗ dơ uế (cầu tiêu) nên dùng **Bất Tịnh Phần Nộ Chân Ngôn** làm hộ thân

Chân Ngôn là:

“Úm, cú rô tha nang, hồng nhạ”

ॐ 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋

OM_KRODHANA HŪM JAḤ



Tiếp theo, **Chia đất chà rửa cho sạch**: Ấy là dùng năm cục đất chà nơi hạ bộ, dùng ba cục đất chà nơi tiểu tiện, dùng ba cục đất chà tay trái, dùng bảy cục đất cùng chà hai bàn tay. Nếu sợ chưa được sạch thì dốc lòng mà chà rửa cho đến khi sạch thì thôi. Cục đất bên trên dùng **Xúc Chú** với **ấn** ấn với trì tụng bảy biến, sau đó mới dùng.

Tiếp đến dùng Chân Ngôn mà rưới vẩy nơi thân. Chân Ngôn là:

“Úm, thuật lỗ để, sa một-lật để, đà la ni, hồng, ha” (tụng ba biến)

ॐ 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋

OM_ŚRŪTI SMṚTI DHARAṆI HŪM HAḤ

Tướng của Thủ Ấn ấy là: Tay phải duỗi thẳng năm ngón, hở rộng đầu ngón tay. Tiếp theo co lóng giữa của ngón vô danh vào lòng bàn tay, đem ngón cái hơi tiếp chạm (góc ngón trở) hướng về phía trước.



Pháp **sái thủy** (rưới vẩy nước): ngồi xôm yên lặng, hai tay để giữa hai đầu gối, lấy ấn vốc nước, không cho có bọt nổi, yên lặng mà uống. Uống ba lần xong, sau đó lấy tay thấm nước, hai lần lau môi, khi ấy trong miệng nơi khoảng giữa răng, dùng lưỡi mà súc miệng mà nhổ các thứ dơ uế, xong lại như lúc trước uống nước lau môi. Trở lại dùng Ấn này với tụng Chân Ngôn.

Ở trong Ấn ấy: ngón cái và ngón vô danh trước tiên trụ ở hai mắt, tiếp đến trụ trên miệng, hai lỗ tai, mũi với hai vai, rốn, tim, cổ họng, vàng trán... liền thành Hộ Thân, các Căn thanh tịnh.

Tiếp theo, rưới vẩy quét dọn **Thần Thát**. Tức là tùy theo thành tựu ấy với sự sai khác của việc, cùng với điều ấy tương ứng mà tìm phương xứ với nơi ý ưa thích, không có các chướng nạn.



_Trước tiên, làm **Tam Ma Da** (Samaya). Tức là phàm khi làm Pháp trước tiên làm Tam Ma Da, sau đó làm tất cả các việc của nhóm Hộ Thân. Giáo dạy như vậy.

Tiếp theo, nói Tam Ma Da Chân Ngôn với Thủ Ấn

.)Đầu tiên, **Phật Bộ Chân Ngôn** là:

“**Úm, đát tha nghiệt đố (1) na-bà phạ dã (2) sa ha**” (tụng ba biến)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

OM _ TATHĀGATA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Đây là **Phật Bộ Tam Ma Gia Chân Ngôn**

Tướng của Thủ Ấn ấy: Ngửa hai bàn tay, hướng thẳng mười ngón tay về phía trước duỗi, cùng dựa bên cạnh nhau, hơi co lỏng trên của hai ngón trỏ (Đây là Tam Ma Da Thủ Ấn)



.)Tiếp theo, nói **Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn** với Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“**Úm, bát na-mô na bà-phạ dã, sa ha**” (Đây là Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ पद्मसुन्दर्यै नमः

OM _ PADMA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Sa ha (SVĀHĀ) ấy đều đọc theo âm dấu sắc

Tướng của Thủ Ấn ấy: Trước tiên chắp hai tay lại, khoảng giữa hai bàn tay, hướng sáu ngón tay ra bên ngoài bung duỗi, không được dính nhau. Ngón cái và ngón út của hai ngón tay y như cũ dựa nhau, chắp hai tay bộng ở giữa như hoa sen nở, sáu ngón hơi co ở giữa. (Đây là Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Ấn)



.)Tiếp theo, nói **Kim Cang Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn** với Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-lộ na bà phạ dã, sa ha**” (Đây là Kim Cang Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ वज्रुड्भवाय स्वहा

OM VAJRA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: bên phải đè bên trái, hai tay ngược nhau cùng dính lưng, đem ngón cái phải cài ngón út trái, ngón cái trái dính với ngón út phải, khoảng giữa hai bàn tay sáu ngón hơi mở như chày ba chia (Đây là Kim Cang Tam Ma Da Ấn)



Kết Phược (cột trời) **các nạn**: tức là dùng Quân Trà Lợi Thủ Ấn Chân Ngôn, để cột trời các nạn.

Tướng của Thủ Ấn ấy: tay trái để trên phần cuối của bắp tay phải, ngón cái vịn móng ngón út, giương ba ngón ở giữa như chày ba chia (tam cô xử).



Lại đem tay phải để trên phần cuối của bắp tay trái, cùng đem ngón cái vịn móng ngón út, giương ba ngón ở giữa như chày ba chia (tam cô xử).

Đứng hướng về phương Đông, co đầu gối của chân trái, hướng về phía trước để ở bàn chân phải, giương rộng bàn chân phải **hai thước** (2/3 dm) đưa qua đưa lại, để ngang đập nơi đất, bặm môi phải bên dưới, trợn mắt nhìn qua phía trái, ngằm tưởng thân mình như Quân Trà Lợi, tụng Căn Bản Chân Ngôn là:

“**Nang mô ra đất-nang đất-ra dạ dã. Nang mãng thất-chiến noa, phạ nhật-ra bá ninh duệ, mãng ha được khát-sa tế nang bát đa duệ. Nang mô phạ nhật-ra cú rô đà dã, năng sắt tra-lộ đắc-yết tra bà da, bội la phạ dã**

Đát điệt tha: Úm, am một-lật đa quân noa lệ, khur khur khur khur, khuróc hê khuróc hê, nghiệt la nha, vĩ sa-phô tra dã, vĩ sa-phô tra dã, tát ra-phạ vĩ cận nang, vi nang điệt ca-kiếm, ma ha ngôn ninh, bát để nhĩ vĩ, đán đa ca la dã, hồng phán-tra” (tụng bảy biến)

ॐ वृषभाय

ॐ: शिव वज्रधराय मन्त्राय नमः

ॐ वज्रधराय वृषभधराय श्रीगणेशाय नमः सुमः परम

परम नमः

ॐ वृषभाय नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः

वृष वृष नम नम नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः

वृषभाय नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः

NAMO RATNA-TRAYĀYA



Lại Tịch Trừ Chân Ngôn Vớ Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“Úm, phạ nhật-la, đa ra, hồng, phẩn tra” (Đây là Tịch Trừ Chân Ngôn)

ॐ वज्र तारा ह्रिं फल

OM VAJRA-TĀRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Dùng tay phải chỉ (?vỗ) vào lòng bàn tay trái, như vậy ba lần (Đây là Tịch Trừ Thủ Ấn)



Lại Tịch Trừ Chân Ngôn Vớ Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“Úm, chỉ lệ chỉ la, la phạ, lão nại-ra, hồng phẩn tra” (Đây là Tịch Trừ Chân Ngôn)

ॐ किलिका राव रावृद्रा ह्रिं फल

OM KĪLIKĪLA RAVA RAUDRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay đều bung ngón tay ra tiếng ba lần. (Đây là Tịch Trừ Ấn)



Pháp Hộ Thân. Dùng Chân Ngôn này với Thủ Ấn, dùng kết Thập Phương Giới cùng với Hộ Thân.

Chân Ngôn là:

“Úm, thương-tăng ca lệ, tam mãn diệm, sa ha” (Đây là Hộ Thân Kết Giới Chân Ngôn)

ॐ शंभु इ ममय ह्रिं

OM _ ŚAMKARE SAMAYE SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải: đem ngón cái vịn trên móng ngón út, hơi mở ba ngón còn lại, dựng thẳng, gọi là **Phạ Nhật-La Ấn**, dùng kết Giới phương trên, phương dưới với tám phương, cùng dùng Hộ Thân (Đây là Kết Giới Hộ Thân Đẳng Ấn)



_Tiếp theo, dùng Chân Ngôn, Thủ Ấn đem ấn thân của mình với dùng nước, đất, vật của nhóm Táo Đậu...liền tẩy tẩy rửa đơ bản làm cho thanh tịnh.

Chân Ngôn là:

“Úm, chỉ lị chỉ lị , phạ nhật-la, hồng, phần tra (Tụng bảy biến. Đây là Tả Cầu Chân Ngôn)

ॐ 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵

Úm, chỉ lị chỉ lị , phạ nhật ra, hồng, phần tra

OM _ KILI KILI VAJRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải: đem ngón cái vịn trên móng ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại, hơi mở, xoa nơi eo lưng, hướng ba ngón tay về phía trước. Tay trái cũng làm Ấn này. Đem Ấn chạm vào các vật, liền thành rửa đơ bản với làm cho thanh tịnh (Đây là Tả Cầu Ấn)



_Tiếp theo, dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn với Thủ Ấn, dùng làm làm thanh tịnh.

“Úm, ám một-lật đế, hồng phần tra” (Tụng bảy biến. Đây là Thanh Tịnh Chân Ngôn)

ॐ 唵 唵 唵 唵 唵 唵 唵

OM _ AMRTE HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải làm quyền, lấy nước, tụng bảy biến, dùng rưới vẩy các vật với bàn tay, trên đánh, liền thành thanh tịnh. (Đây là Thanh Tịnh Ấn)



_Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, dùng làm Quang Trạch (sáng bóng)

Chân Ngôn là:

“Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhật-la, hồng phán tra” (Tụng bảy biến. Đây là Quang Trạch Chân Ngôn)

ॐ 𑖀𑖂𑖀𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂

OM _ KILI KILI VAJRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay trái đem ngón cái vịn trên móng ngón út, hơi mở ba ngón còn lại, dựng thẳng, duỗi bắp tay. Trở lại, dùng tay phải làm Ấn này để dưới khuỷu tay trái. Đem Thủ Ấn bên phải, ấn các vật tiếp chạm với thân của mình, tức thành quang trạch (Đây là Quang Trạch Ấn)



_Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, dùng khuấy nước ấy.

Chân Ngôn là:

“Úm, hồng, hạ năng, phạ nhật-la, phạ nhật lê ninh, ha” (không hạn biến số, chỉ tụng nhiều. Đây là Giáo Thủy Chân Ngôn)

ॐ ॐ 𑖀𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂

OM _ HŪM HANA VAJRA VAJRINI HĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay hướng ra bên ngoài cái chéo nhau, dựng thẳng hai ngón cái hợp đầu ngón, co hai ngón trở, đầu hơi co cùng dính móng ngón. (Đây là Giáo Thủy Ấn)



_Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, lấy đất xoa bôi thân.

Chân Ngôn là:

“Úm, bộ la, nhạ phạ ra, hồng”

ॐ 𑖀𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂

OM _ BHŪR JVARA HŪM

Tướng của Thủ Ấn ấy. Lấy đất hoà với nước, cùng mở hai tay, dùng tay phải xoa bôi khắp thân (Đây là **Độ Đồ Thân Ấn**: Ấn lấy đất xoa bôi thân)



_Tiếp theo dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn Thủ Ấn.

Trì Tụng Thủy Chân Ngôn là:

“**Úm, a một-lật đế, hồng, phấn tra** (Tụng bảy biến. Đây là Trì Tụng Thủy Chân Ngôn)

ॐ ऋमृगं हूं क्ल

OM_ AMṚTE HŪM PHAṬ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Trước tiên, duỗi tay phải ngang bằng, đem ngón cái đè trên móng của **ngón giữa, ngón vô danh**, hơi co **ngón trở, ngón út**, trì tụng Chân Ngôn, dùng Ấn khuấy nước tắm gội. (Đây là Trì Tụng Thủy Ấn)



_Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, khiến trừ nạn Tỳ Na Dạ Ca trong thân.

Chân Ngôn là:

“**Úm, ám mật lật-đế, hạ nang hạ nang, hồng, phấn tra**” (Đây là Khiển Trừ Thân Trung Tỳ Na Dạ Ca Chân Ngôn)

ॐ ऋमृगं हूं हूं हूं क्ल

OM_ AMṚTE, HANA HANA, HŪM PHAṬ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay co ngón cái vào trong lòng bàn tay, nắm quyền, duỗi hai ngón trở, bên phải bên trái cài chéo nhau, nhập vào trong Hồ Khẩu. Đưa Ấn từ đầu đánh hướng xuống dưới, đến bàn chân rồi lược bỏ đi. (Đây là Khiển Trừ Thân Trung Tỳ Na Dạ Ca Ấn)



_Tiếp theo dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn với Thủ Ấn, hộ năm chỗ trên thân

Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-la kỳ-ninh, bát-ra nễ bát-đa dã, sa ha**” (Tụng năm biến. Đây là Hộ Thân Chân Ngôn)

ॐ वज्र(य) चक्रपद्मं हूं

OM_ VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Đem hai ngón út cài chéo nhau nhập vào trong lòng bàn tay, ngón vô danh đè trên hai ngón út, hai ngón giữa dính đầu ngón, hơi co hai ngón trở về bên cạnh lòng trên của hai ngón giữa cách nhau khoảng một hạt lúa, dựng thẳng hai ngón cái ngay bên cạnh ngón giữa, ấn chạm năm chỗ, ấn thành hộ thân (Đây là Hộ Thân Ấn)



Tiếp theo dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn, trì tụng vào mỗi một phần đất.

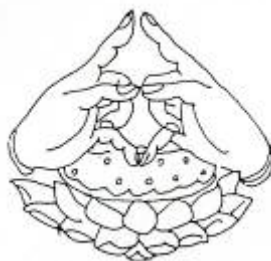
Chân Ngôn là:

“Úm, độ tỳ độ tỳ, ca dā độ tỳ, bát-ra chi phạ lý ninh, sa ha” (Tụng ba biến. Đây là Trì Tụng Thổ Chân Ngôn: Chân Ngôn trì vào đất)

ॐ ཨུམ་ ཨུམ་ ཀཱཱཱུམ་ རཱཱཱུམ་ རཱཱཱུམ་ རཱཱཱུམ་ རཱཱཱུམ་ རཱཱཱུམ་

OM _ DHŪPE DHŪPE, KĀYA-DHŪPE PRAJVALIṆI SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay đem ngón trở, ngón út dính đầu ngón. Co hai ngón giữa, hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay cùng dính lưng ngón tay, đem hai ngón cái đều vịn đầu của hai ngón giữa và hai ngón vô danh.



Trước tiên đã để ba cục đất, lấy một phần. Dùng Ấn ấn lên đất, trì tụng ba biến, dùng chày rửa từ bàn chân đến rốn, liền chày rửa bàn tay ấy, dùng nước rưới vẩy cho sạch. Thứ hai, thứ ba cũng như vậy, chày rửa cùng với rưới vẩy cho sạch. Lại lấy một cục như lúc trước trì tụng, dùng chày rửa từ rốn đến cổ. Lại lấy một cục như trước trì tụng, dùng chày rửa từ cổ đến đánh. Xong rồi, lại tụng Chân Ngôn, tùy ý tắm gội. Trở lại tụng Chân Ngôn tùy ý tắm gội. Lại làm Ấn này, cũng tụng Chân Ngôn, chuyển khắp nơi thân, bung Ấn ngang trái tim. Đây gọi là **Bị Giáp Ấn** (Đây là Trì Tụng Thổ Ấn)

Tiếp theo dùng Quân Trà Lợi Căn Bồn Chân Ngôn, dùng Thủ Ấn khuấy nước, tùy ý tắm gội.

Chân Ngôn là:

“Nang mô ra đát-nang đát-ra dạ dā

Na mãng thất-chiến nōa phạ nhật-ra bá ninh duệ, ma ha được khát-sa, tế nang bát đa duệ

Na mô phạ nhật-ra cú lộ trì dā, bát-ra nhā-phạ lý đa, nễ bát-đa, năng sắt tra-lão, đắc-ca tra bà dā, bội ra phạ dā, a tỳ, mẩu sa ra, phạ nhật-ra, bát-ra du, bá xả, hạ sa-đa dā .

Đát nễ-dã tha: Úm, ám một-lật đa, quân noã lý, khur khur khur khur, khur nang khur nang khur nang khur na khur na khur na khur na, khur húr khur húr khur húr khur húr, để sất-tra để sất-tra, hạ nang hạ nang, mô hạ na hạ, bát giả bát giả, nguyệt-lật hận-ninh nguyệt-lật hận-ninh, mãn đà mãn đà, nguyệt ra nhạ nguyệt lật nhạ, đát ra nhạ đát ra nhạ, vi sa-phô tra dã vi sa-phô tra dã, bà giả phạm, nang một-lật đa, quân nũa lý, mộ la đạn nan đa nũa dã, phạ nhật-ra ninh, tát ra-phạ vĩ cận nang, vĩ nang dã kiếm ninh phạ ra dã, ma ha ngôn ninh bát để, nhĩ vĩ đán đa, ca ra dã, hồng hồng, phẩn tra phẩn tra, cú-lộ đà hoàn nang duệ, sa ha” (Tụng ba biến. Đây là Táo Dục Chân Ngôn)

ॐ रत्न त्रयय
 ॐ शिव वज्रपणय मन् यक्ष सनपणय
 ॐ वज्रक्रयय चक्रवर्ग क्षय दंष्ट्रकटय श्रीवय म्म
 म्मर वज्र परिष्ठ पणि कसय
 गृह्य उं संमृग कुश्रि वरवरवर वरवरवरवर
 वरवरवरवरवर वरवरवरवरवर (रष्ट्रिष्ट्र कनकन रकक
 पयपय गृह्यगृह्य वधवध गरगर गरगर (वृष्टयवृष्टय
 वरवं संमृगकुश्रि सुदेवय वज्रं मर्व व्रयय वरयक
 वरयय मन्गणपणि वरगणयय रू रू कक कक व्रयय वर

NAMO RATNA-TRAYĀYA
 NAMAḤ ŚCAṄḌA-VAJRA-PĀṆIYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATĀYE
 NAMO VAJRA-KRODHĀYA PRAJVALITA DIPTA DAMṢṢTROT-KATA-
 BHAYA BHAIKAVAYA ASI MUSARA VAJRA PARASŪ PĀŚA HASTĀYA
 TADYATHĀ: OM_ AMṚTA-KUNḌALI, KHAKHA KHAKHA _ KHANA
 KHANA KHANA KHADA KHADA KHADA KHADA _ KHAHI
 KHAHI KHAHI KHAHI_ TIṢṬA TIṢṬA _ HANA HANA _ DAHA DAHA _
 PACA PACA _ GRHṆA GRHṆA _ BANDHA BANDHA _ GARJA GARJA _
 TRAJA TRAJA _ VISPHOTĀYA VISPHOTĀYA _ BHAGAVAM AMṚTA-
 KUNḌALI MŪRDHA ANTANUYA VAJRĀNĀM _ SARVA VIGHNAYA
 VINĀYĀKA NIVARAYA _ MAHĀ-GAṆA-PATI JIVITA ANTAKĀRAYA _
 HŪM HŪM _ PHAṬ PHAṬ _ KRODHA-AGNĀYE SVĀHĀ

Ā_Quán Đảnh Chân Ngôn ấy. Dùng Chân Ngôn này với Thủ Ấn để tụng Quán Đảnh.

Chân Ngôn là:

“Úm, hạ hoắc, khur lị lị, hồng, phẩn tra” (Tụng ba biến. Đây là Quán Đảnh Chân Ngôn)

ॐ ह्रि वरव्र रू कक

OM_ HAḤ KHAKALI HŪM PHAṬ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai ngón út cài chéo nhau nhập vào lòng bàn tay, hai ngón vô danh cùng đè trên hai ngón út nhập vào lòng bàn tay, dựng thẳng hai ngón giữa cùng dính đầu ngón, hai ngón trở đè lóng trên của hai ngón giữa, khiến lóng giữa của ngón trở co lại, hai ngón cái phụ dính bên cạnh hai ngón trở. Dùng Ấn lấy nước, trì tụng Chân Ngôn ba biến rồi tự rưới lên đảnh (Đây là Quán Đảnh ấn)

_Tiếp theo, dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn rồi tụng kết tóc.

Chân Ngôn là:

“Úm, tô tất địa, yết lị, sa ha” (Tụng ba biến. Đây là Kết Phát Chân Ngôn, dùng chung cho ba Bộ)

ॐ सुसिद्धि करि स्वहा

OM _ SUSIDDHI-KARI SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải nắm Quyền, duỗi thẳng ngón cái, co ngón trỏ đè trên đầu ngón cái khiến ngón trỏ co tròn. Tác Ấn này, trì tụng Chân Ngôn ba biến, để ở trên đánh, liền thành kết tóc (Đây là Kết Phát Ấn)



.)Lại **Phật Bộ Kết Phát Chân Ngôn** là:

“Úm, thi kỳ thi khế, sa ha” (Tụng ba biến)

ॐ शिकि शिकि स्वहा

OM _ ŚIKHI ŚIKHI SVĀHĀ

.)Lại **Liên Hoa Bộ Kết Phát Chân Ngôn** là:

“Úm, thi khế, sa ha” (Tụng ba biến)

ॐ शिकि स्वहा

OM _ ŚIKHI SVĀHĀ

.)**Kim Cang Bộ Kết Phát Chân Ngôn** là:

“Úm, thi khư tả, sa ha” (Tụng ba biến)

ॐ शिक्य स्वहा

OM _ ŚIKHASYA SVĀHĀ

Phàm khi tắm gội, không nên ở trong nước bùn, hoặc nước có gai, hoặc nước có thuyền chạy từ xa, hoặc ngòi hẹp ít nước, nước chảy gấp cuốn xoáy, nước đục có nhiều loài trùng, nước lớn, mương nhỏ, nước chảy xiết, nước nhiều trùng, nước tưới rót vào ruộng, với nước trong hầm hố.....Nước như vậy đều không nên tắm gội

Lại chẳng nên đại tiểu tiện ở trong nước với bên cạnh nước. Chẳng được chạy nhảy, đi vội vã, đùa giỡn bơi lộiở trong nước.

Đứng ngay trong nước, không được nhìn chỗ kín, cũng không nghĩ đến chỗ kín của đàn bà, cùng eo lưng với các phần khác.... Cần phải vắng lặng yên lặng mà tắm gội, chỉ để trừ bỏ dơ uế, cấu bẩn, đừng vì nghiêm thân, tưởng hiến ba bụm nước

Tắm gội xong rồi, hướng mặt về phương có Bồn Tôn ngự, quán niệm Bồn Tôn, trì tụng Chân Ngôn với làm Thủ Ấn. Dùng Ấn bụm nước để dâng hiến, tưởng tắm Bồn Tôn với dâng Át Già

Hoặc ở trong nước có ba loại nghiệm: Nước đến trong đầu gọi là **Hạ Nghiệm**, nước đến bên rốn là **Trung Nghiệm**, nước đến cổ là **Thượng Nghiệm**. Ở trong ba loại nước này, tùy ý niệm tụng, rồi mới đến Đạo Tràng.

.)**Phật Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn** là:

“Úm, để ra lệ Phật đà, sa ha” (Tụng ba biến. Đây là Phật Bộ Phụng Tam Cúc Thủy Chân Ngôn)

ॐ ऋ॒ले॒ बु॒द्ध॒ स्व॒हा
OM_TERALE BUDDHA SVĀHĀ

.) Lại Liên Hoa Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn là:
“**Úm, tị rị tị rị, hồng phẩn tra**” (Tụng ba biến. Đây là Liên Hoa Bộ Phụng Tam Cúc Thủy Chân Ngôn)

ॐ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑
OM_BHIRI BHIRI HŪM PHAT

.) Lại Kim Cang Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn là:
“**Úm, vi thấp-phạ, phạ nhật-lệ, sa ha**” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Bộ Phụng Tam Cúc Thủy Chân Ngôn)

ॐ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑
OM_VIŚVA-VAJRE SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn thông cho ba Bộ. Ngửa ngang bằng hai tay dựa bên cạnh nhau, đem hai ngón trỏ vịn đầu hai ngón cái, hơi co sáu ngón tay, dùng ấn lên bùm nước, trì tụng Chân Ngôn ba lần, dâng tẩm Bồn Tôn (Đây là Thủ Ấn dâng ba bùm nước thông cả ba Bộ)

Đi đến chỗ Thần Thất, nghĩa là khi hương đến Đạo Tràng thời đừng khởi giận dữ cùng với tham dục, chuyên niệm Bồn Tôn mà đi đến. Ở bên trong, chẳng được bước qua khí trượng với các cỏ thuốc, nghĩa là các loại vật khí, vật cỗi, chuông mõ với các Ấn. Hoa héo ấy, thuốc là tất cả cây cỏ... đều chẳng nên bước qua. Ché Đê (Thấp thờ), Tôn Tượng, ảnh của các Tỳ kheo ... đều chẳng nên bước qua. Cũng đừng cỡi voi, ngựa, lạc đà, bò, dê với tất cả các xe cộ.... Tượng vẽ, Ấn... đều chẳng nên dẫm đạp lên, hoặc thân, bàn tay chạm đến. Nếu phạm các điều này sẽ bị đọa Tam Ma Da, cũng chẳng nên khởi **tham, sân, si, mạn, trạo cử** (Auddhatya: tác dụng tinh thần của Tâm phù động chẳng yên), **kiêu căng**. Nên mang guốc đi đến Thần Thất. Khi gặp Ché Đê, Tôn dung, sư trưởng cùng với Thần Miếu thì nên cởi guốc ra, liền đến cung kính rồi mới đi đến Đạo Tràng.

_Tiếp theo, thay đổi áo, rưới vảy thân. Nghĩa là bên ngoài cửa của Đạo Tràng rửa tay chân sáu lần, dùng **Hộ Tịnh Chân Ngôn Thủ Ấn** đã nói lúc trước, uống nước lau môi như lúc trước. Lại uống nước, sái tịnh (rưới vảy cho sạch) lần nữa, tức y theo Hành Dụng. Đây là chung cho cả ba Bộ.

.) Lại Phật Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn là:
“**Úm, ma ha nhập-phạ la, hồng**” (Đây là Phật Bộ Sái Tịnh Thủy Chân Ngôn)

ॐ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑
OM_MAHĀ-JVALA HŪM

.) Lại Liên Hoa Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn là:
“**Úm, đồ đồ la, cu rô cu rô, sa ha**” (Đây là Liên Hoa Bộ Sái Tịnh Chân Ngôn)

ॐ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑ ॐ॑
OM_TUTULA KURU KURU SVĀHĀ

.) Lại Kim Cang Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn là:
“**Úm, nhập-phạ li đa, phạ nhật-li ni, hồng**” (Đây là Kim Cang Bộ Sái Tịnh Chân Ngôn)

ॐ ज्वलिता वज्रिणी हूं
OM_ JVALITA VAJRINI HŪM

Lại nói **Phật Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Thủ Ấn**. Ngửa duỗi bàn tay phải, co ngón vô danh hướng vào bên trong, dùng chạm lòng bàn tay (Đây là Phật Bộ Sái Tịnh Thủy Ấn)

Lại nói **Liên Hoa Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Thủ Ấn**. Ngửa duỗi bàn tay phải, co ngón vô danh hướng vào bên trong, dùng chạm lòng bàn tay
Mở bung ngón trỏ, ngón út (Đây là Kim Cang Bộ Sái Tịnh Thủy Ấn)

_Tiếp theo dùng Chân Ngôn Thủ Ấn rưới vẩy cho sạch cái áo đã được trao cho ở bên ngoài cửa.

Chân Ngôn là:

“Úm, vi măng la, sa ha” (Đây là Sái Tịnh Hoán Y Chân Ngôn)

ॐ वमल स्वहा
OM_ VIMALA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải nắm thành quyền, lấy nước trì tụng, dùng rưới vẩy áo cho sạch. (Đây là Sái Tịnh Hoá Y Thủ Ấn)



_Tiếp theo dùng Chân Ngôn trì tụng vào cái áo ấy rồi mặc vào.

Chân Ngôn là:

“Úm, bát rị phạ-ra đa, phạ nhật-rị ni, hồng” (Đây là Trước Y Chân Ngôn, không có Thủ Ấn)

ॐ परवर्त वज्रिणी हूं
OM_ PARIVARTTA VAJRINI HŪM

_Vào Thất liên lễ, như Giáo đã nói, Hành Giả nhất Tâm nên vào Thần Thất
Đã vào Thất xong, hướng mặt về Tôn, chấp tay khom thân, đầu chẳng chạm đất.

Trước tiên, ở bên trong Thất, nên để bức tranh vẽ dung mạo của Tôn, hoặc **Chế Đa** (Caitya: Linh Miếu, cái tháp), hoặc chỉ để toà ngồi...khi vào liên lễ xong, rồi cúng dường. Bảy biện vật cúng dường là: năm loại của nhóm hương xoa bôi, Ngưu Tịnh, Thần Tuyền (sợi dây Thần), nhẫn cỏ, toà ngồi của mình với vật khí At Già, Kim Cang, hạt cải trắng, nhóm sợi dây cột eo lưng...Đây gọi là vật cúng, trước tiên nên chuẩn bị sẵn.

Khi vào Thất thời miệng tụng Chân Ngôn, rồi vào.

“Úm, nhập-phạ li-đa, lộ giả nê, hồng, phẩn tra” (Tụng bảy biến. Đây là **Nhập Thất Chân Ngôn** thông cho cả ba Bộ)

ॐ ज्वलिता लोचनी हूं फट
OM_ JVALITA LOCANA HŪM PHAT

_Tiếp theo, nên làm **Tam Ma Đa Chân Ngôn** với **Ấn**

.)Đầu tiên, **Phật Bộ Chân Ngôn** là:

“Úm, đát tha nghiệt đồ (1) na-bà phạ dã (2) sa ha” (Tụng năm biến. Đây là Phật Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ह्रीं

OM_TATHAGATA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Ngửa hai bàn tay, hướng thẳng mười ngón tay về phía trước duỗi, cùng dựa dính bên cạnh nhau, hơi co lỏng trên của hai ngón trỏ (Đây là Phật Bộ Tam Ma Da Thủ Ấn)



.)Tiếp theo, nói **Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn** với **Thủ Ấn**.

Chân Ngôn là:

“Úm, bát na-mô na bà-phạ dã, sa ha” (Tụng năm biến. Đây là Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ पद्मसुन्दर्यै ह्रीं

OM_PADMA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Trước tiên chắp hai tay lại, khoảng giữa hai bàn tay, hướng sáu ngón tay ra bên ngoài bung duỗi, không được dính nhau. Ngón cái và ngón út của hai ngón tay y như cũ dựa dính nhau, khiến lòng bàn tay bọng ở giữa như hoa sen nở, sáu ngón hơi co ở khoảng giữa. (Đây là Liên Hoa Bộ Tam Ma Da Ấn)



.)Tiếp theo, nói **Kim Cang Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn** với **Thủ Ấn**.

Chân Ngôn là:

“Úm, phạ nhật-lộ na bà phạ dã, sa ha” (Tụng năm biến. Đây là Kim Cang Bộ Tam Ma Da Chân Ngôn)

ॐ वज्रसुन्दर्यै ह्रीं

OM_VAJRA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: bên phải đè bên trái, hai tay ngược nhau cùng dính lưng, đem ngón cái phải cài chéo với ngón út trái, ngón cái trái cài chéo với ngón út phải, khoảng giữa hai bàn tay sáu ngón hơi mở như chày ba chia (Đây là Kim Cang Bộ Tam Ma Da Ấn)

Lại Tịch Trừ Chân Ngôn Với Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-la, đa ra, hồng, phẩn tra**” (Tụng ba biến. Đây là Tịch Trừ Chân Ngôn)

ॐ वज्र तारा ह्रिं ह्रूं

OM VAJRA-TĀRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Dùng tay phải vỗ vào lòng bàn tay trái, như vậy ba lần (Đây là Tịch Trừ Thủ Ấn)



Lại Tịch Trừ Chân Ngôn với Thủ Ấn.

Chân Ngôn là:

“**Úm, chỉ lệ chỉ lệ, la phạ lão nại-ra, hồng phẩn tra**” (Đây là Tịch Trừ Chân Ngôn)

ॐ किलिकिली रावरा ह्रिं ह्रूं

OM KILI KILI RAVA RAUDRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay đều búng ngón tay ra tiếng ba lần. (Đây là Tịch Trừ Ấn)



Thế nào gọi là **Tịch Trừ**? ấy là ở Thần Thất: Hết thấy các nạn của nhóm hoa, áo xiêm với vật của nhóm toà ngồi... cần xua đuổi thì tùy theo lệnh trừ bỏ ...gọi là **Tịch Trừ**, liền được thanh tịnh.

Tiếp theo nói Chân Ngôn với Thủ Ấn để làm chà rửa dơ bẩn.

Chân Ngôn là:

“**Úm, chỉ lệ chỉ lệ , phạ nhật-la, hồng, phẩn tra** (Tụng bảy biến. Đây là Tả Cầu Chân Ngôn)

ॐ किलिकिली वज्र ह्रूं ह्रूं

OM KILI KILI VAJRA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải: đem ngón cái vịn trên móng ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại, hơi mở, xoa nơi eo lưng, hướng ba ngón tay về phía trước. Tay trái

cũng làm Ấn này. Dem Ấn chạm vào các vật, khiến trừ uế ác, gọi là Tả Cầu (chà rửa đồ bần) [Đây là Chỉ Lị Phần Nộ Tả Cầu Thủ Ấn]



_Tiếp theo, làm thanh tịnh. **Phật Bộ Tâm Chân Ngôn**, nắm Quyển lấy nước thơm, trì tụng bảy biến, dùng rưới vẩy các vật, liền thành thanh tịnh

.) Đầu tiên, **Phật Bộ Tâm Chân Ngôn** là:

“**Úm, nhĩ nang, nhĩ-ca**” (Tụng bảy biến)

ॐ ൓൬൬

OM _ JINA-JIK

.) **Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn** là:

“**Úm, a lộ lực ca**” (Đây là Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn)

ॐ ൓൬൬

OM _ AROLIK

.) **Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn** là:

“**Úm, phạ nhật-ra, đặc lực ca**” (Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn)

ॐ ൓൬൬

OM _ VAJRA-DHRK

_Tiếp theo làm **Quang Trạch**, trì Chân Ngôn với làm Thủ Ấn. Dùng ấn các vật, liền thành sáng bóng (quang trạch)

.) Bắt đầu, **Phật Bộ Quang Trạch Chân Ngôn** là:

“**Úm, đế thế đế nhạ, tỳ vĩ ninh, tỳ đề, sa đà dã, hồng, phẩn tra**” (Tụng ba biến. Đây là Phật Bộ Quang Trạch Chân Ngôn)

ॐ ൓൬൬ ൓൬൬ ൓൬൬

OM _ TEJE TEJA, SIVINI SIDDHE SĀDHAYA HŪM PHAT

.) **Liên Hoa Bộ Quang Trạch Chân Ngôn** là:

“**Úm, nễ tỳ-dã nễ tỳ-dã, nễ bả dã, ma ha thất-ri duệ, sa ha**” (Tụng ba biến. Đây là Liên Hoa Bộ Quang Trạch Chân Ngôn)

ॐ ൓൬൬ ൓൬൬ ൓൬൬

OM _ DĪPYA DĪPYA DIPAYA MAHĀ-'SRĪYE SVĀHĀ

.) **Kim Cang Bộ Quang Trạch Chân Ngôn** là:

“**Úm, nhập-phạ ra, nhập-phạ ra dã, mãn độ lị, sa ha**” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Bộ Quang Trạch Chân Ngôn)

ॐ ൓൬൬ ൓൬൬ ൓൬൬

OM _ JVALA JVALAYA BANDHURI SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay trái đem ngón cái vịn trên móng ngón út, hơi mở ba ngón còn lại, dựng thẳng, duỗi bắp tay. Trở lại, dùng tay phải cũng làm Ấn này nâng bên dưới khuỷu tay trái. Đem Ấn ấn chạm các vật, liền thành quang trạch (Đây là Quang Trạch Thủ Ấn thông cả ba Bộ)



TÔ TÁT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG PHÁP _QUYỂN THƯỢNG (Hết)_

Đan Tạng nói rằng: **Tô Tát Địa Yết La Kinh**, tên đã chẳng đồng, văn cũng khác nhiều, mà chỉ có một người dịch. Nay xem lại Kinh của Đan Tạng thì trong **Tổng Tạng** đầu cuối đều không có Pháp **cúng dường**. Đan Tạng cũng đối với tinh thần có được trong cái rương, cố gắng tìm xem hai bản ghi chép của **Khai Nguyên, Trình Nguyên** thì **Thiện Vô Úy** dịch chỉ có **ba Kinh một Pháp**, nhưng cũng không có Pháp cúng dường này. Nay mục lục tuy không có, nhưng xem rõ nghĩa của văn ấy thì không phải là do người đời sau hư giả biên tập, cho nên y theo Đan Tạng đưa vào cho đủ, cũng là tốt vậy.

TÔ TẮT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG PHÁP
QUYỀN TRUNG
(Thông cả thứ tự của ba Bộ)

Hán dịch: Đại Đường Trung Ấn Độ Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Sưu tập Thủ Ấn và phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

_Tiếp theo, làm Pháp Hộ Thân. Minh Vương Thủ ấn, tụng Chân Ngôn này, ấn năm chỗ thuộc nhóm đánh, liền thành Hộ Thân kiên cố.

Chân Ngôn là:

“Úm, phạ nhật-ra kỳ ninh, bát-ra nễ bát đa dã, sa ha”

ॐ वज्रअग्निप्रदीप्य स्वहा

OM VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA SVĀHĀ

Tụng năm biến. Đây là Hộ Thân Chân Ngôn.

Tướng của Thủ Ấn ấy. Dem hai ngón út cái chéo nhau nhập vào lòng bàn tay, ngón vô danh đè trên hai ngón út, hai ngón giữa dính đầu ngón, hơi co hai ngón trở đè lóng trên của hai ngón giữa, co lóng giữa của ngón trở vào, dựng thẳng ngón cái phụ dính ngón giữa, (Đây là Hộ Thân Thủ Ấn)



_Tiếp theo, làm Đại Hộ Thân. Tụng Chân Ngôn với làm Thủ Ấn, cũng ấn năm chỗ, thành Đại Hộ Thân.

Chân Ngôn là:

“Úm, nhập-phạ la, nang dã, hồng, phẩn tra” (Tụng năm biến. Đây là Đại Hộ Thân Chân Ngôn)

ॐ ज्वाला नय हृषीकेश

OM JVALA-NAYA HŪṢI PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy, tức đồng với Hộ Thân Ấn lúc trước.

_Tiếp theo nên mặc áo giáp (bị giáp). Tụng Chân Ngôn với làm Thủ Ấn, từ đánh chà xát xuống dưới, đến bàn chân, liền thành Bị Giáp.

Chân Ngôn là:

“Úm, độ tỷ độ tỷ, ca dã độ tỷ, bát-ra nhập-phạ lý ninh, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Bị Giáp Chân Ngôn)

ॐ धूपे धूपे काया धूपे प्राज्वालि स्वहा

OM DHŪPE DHŪPE, KĀYA-DHŪPE PRAJVALIṆI SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: bung duỗi (cả hai tay)

“Úm, a rô lục ca” (Tụng bảy biến)

ॐ 𑖀𑖃𑖄𑖅

OM_ AROLIK

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn là:

“Úm, phạ nhật-ra, đặc-lặc ca” (Tụng bảy biến)

ॐ 𑖀𑖃𑖄𑖅

OM_ VAJRA-DHRK

.)Tiếp theo, nói Tướng Thủ Ấn của **Phật Bộ Mẫu Phật Nhân**. Chắp hai tay lại, co kèm hai ngón cái vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng phụ ngay bên trong lóng giữa của ngón giữa, đừng để lóng tay bị cong, hơi co ngón trở đè lóng trên của hai ngón giữa (Đây là tướng của Phật Nhân Thủ Ấn)



.)Tiếp theo nói tướng Thủ Ấn của **Liên Hoa Bộ Mẫu**. Chắp hai tay lại, đều co mười ngón tay cùng dính đầu ngón, khiến lòng bàn tay rộng không như hoa sen chưa nở, cổ tay chạm nhau (Đây là Liên Hoa Nẫu Bán Noã La Phạ Kỳ Ninh Thủ Ấn)



.)Tiếp theo, nói tướng Thủ Ấn của **Kim Cang Bộ Mang Mãng Kế**. Chắp hai tay lại, hợp lòng bàn tay, co hai ngón trở với hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lưng ngón tay dính nhau, kèm dựng thẳng sáu ngón tay còn lại cùng dính nhau (Đây là Kim Cang Mẫu Mang Mãng Kế Thủ Ấn)



Lại nói, chắp hai tay lại, co hai ngón trở với hai ngón vô danh, lật nghiêng lại cài chéo nhau đè đầu lóng tay, bên phải đè bên trái, kèm dựng sáu ngón tay còn lại cùng dính nhau (cũng tức là Ấn này)

_Tiếp theo nói Tướng Thủ Ấn của **Bộ Tâm**

.)Đầu tiên, tướng Thủ Ấn của **Phật Bộ Tâm**. Tám ngón tay cài chéo nhau vào trong lòng bàn tay, khiến lóng giữa của tám ngón tay lộ ra, dựng thẳng đứng hai ngón cái dùng dính đầu ngón, cách nhau **nửa tấc** (1/6 dm) (Đây là Phật Bộ Tâm Ấn)



.)Tiếp theo, nói tướng Ấn của **Liên Hoa Bộ Tâm**.

[ND: Phần này bị thiếu, nay phụ vào cho đầy đủ là: Y theo Phật Bộ Tâm Ấn, chỉ sửa ngón cái trái, co vào trong lòng bàn tay, dựng đứng một mình ngón cái phải (Đây là Liên Hoa Bộ Tâm Ấn)



.)Tiếp theo, nói tướng Ấn của **Kim Cang Bộ Tâm]**

Y theo Phật Bộ Tâm Ấn, chỉ sửa ngón cái phải co vào trong lòng bàn tay, dựng đứng một mình ngón cái trái (Đây là Kim Cang Tâm Ấn)



_Pháp **Át Già** ấy. Tùy theo Bộ tương ứng với việc thành tựu, như Giáo rộng nói. Lúc phụng hiến thời dùng Bốn Chân Ngôn trì tụng rồi phụng hiến.



Phụng thỉnh Bốn Tôn. Người trì tụng tùy làm **Pháp Xứ**. Trước tiên tưởng ngôi xong, tiếp theo dùng Chân Ngôn Thủ Ấn thành tựu **Xa Lộ** (cỗ xe), đưa đi đến chỗ của Bốn Tôn.

Xa Lộ Chân Ngôn là:

“**Úm, đờ rô đờ rô , hồng**” (Đây là Tổng Xa Lộ Chân Ngôn thông cho cả 3 Bộ)

ॐ रु रुरु रु रु हूं

OM TURU TURU HŪM

Tướng của Thủ Ấn ấy. Hai tay từ ngón giữa trở xuống đem sáu ngón tay cái chéo nhau, bên phải phải đè bên trái, nhập vào lòng bàn tay, hai ngón trở dựa nhau, hai ngón cái phụ bên cạnh hai ngón giữa, mở hai lòng bàn tay, cổ tay dựa nhau, sáu ngón trợ nhau dục trong lòng bàn tay (Đây là Tổng Xa Lộ Thủ Ấn thông cho cả ba Bộ)



Tổng Xa Lộ xong, liền nên tụng Minh này, bên trong an câu “**đi đến**” với làm Thủ Ấn. Hoặc chỉ đọc thỉnh Bốn Tôn, hoặc kèm Quyển thuộc... Triệu Thỉnh

Tổng (đưa đi) tức đưa ngón cái trái ra bên ngoài rồi nhấc lên. **Nghênh** (tiếp đón) tức đưa ngón cái phải vào bên trong rồi co lại (trong, ngoài đều làm ba lần).

Minh là:

“**Nang măng sa-đát lệ dã địa-vĩ ca nan, tát ra-phạ đát tha nghiệt đa nan. Úm, phạ lam chi nễ-dã, yết-ra-sái dã, sa ha**” (Đây là Phụng Thỉnh Minh thông cho cả ba Bộ)

ॐ नमः श्रुत्ययति नमः सर्वं तथगतानाम् ॐ वज्रमंगिनि अकारशया स्वहा हूं

NAMAḤ STRIYA-DHVIKĀNĀM SARVA-TATHĀGATĀNĀM

OM VAJRĀṆGINI ĀKARŚĀYA SVĀHĀ

Minh này, tiếp theo nên để câu “**Nghênh đón**”, dựa theo bên trên có thể biết.

Thủ Ấn ấy. Y theo Xa Lộ Ấn lúc trước, chỉ sửa ngón cái phải, cùng với ngón giữa trái dính đầu ngón (Đây là Phụng Thỉnh Ấn thông cho cả ba Bộ)

Hoặc dùng **Bộ Tâm Chân Ngôn**, bên trong để câu “**đi đến**”, là Tâm Chân Ngôn

Tiếp theo an **Ê ê hề bạc già phạm** (Ehyehi bhagavam). Tiếp theo bỏ Tâm Chân Ngôn tức biết câu “**Nghênh đón**” với làm Thủ Ấn mà thỉnh.

Nếu dùng **Bộ Tâm Chân Ngôn** phụng thỉnh thì Bốn Tôn vui vẻ mau đến.

.) Đầu tiên, **Phật Bộ Tâm Chân Ngôn** là:

“**Úm, nhĩ nang, nhĩ ca**” (Tụng 25 biến)

ॐ नम नम नम

OM JINA JIK

Tướng của Thủ Ấn ấy: Y theo Bộ Tâm An lúc trước, chỉ sửa, đem hai ngón cái hướng về phía trước chiêu vờ ba lần, liền thành Thỉnh Ấn (Đây là Phật Bộ Thỉnh Triệu Ấn)





_Phụng Tòa mời ngồi. Trước tiên kết Địa Phương với Thượng Phương của nhóm **Nội Giới Kim Cang Quyết**, liền dâng Át Già, sau đó mời ngồi.

Át Già dùng Bốn Chân Ngôn trì tụng mà dâng hiến, hoặc dùng Thông Dụng Át Già Chân Ngôn trì tụng, tùy theo việc thành tựu ấy, Bộ khác nhau, mà cầm vật khí Át Già để ở trái tim... cho đến quỳ gối mà phụng hiến, nghĩa là ba Bộ để nơi trán phụng hiến, Thiên Bộ ấy để ngang trái tim dâng phụng, Địa Bộ để ngang đầu gối.

Chân Ngôn là:

“**Úm, dược khát-sam nang na dā, kiến nại-la, đạt nō, bát-rị dā bát xả, bát xả, sa ha**” (Đây là Án thông dụng tụng Át Già Khí Chân Ngôn)

ॐ यक्ष ऋषय रश्मि रश्मि पुरयक्षि पश्मि ऋष

OM_ YAKṢAM-NĀDĀYA CAṆḌARA DHĀNU PARIYA-PĀŚA PĀŚA SVĀHĀ

_Vào lúc sáng sớm, lúc giữa ngày (giờ Ngọ) với lúc mặt trời lặn... Ở ba Thời này dùng Chân Ngôn Thủ Ấn dâng toà hoa sen

.)Đầu tiên, **Phật Bộ Chân Ngôn** là:

“**Úm, vi ra, vi ra dā, sa ha**” (Đây là Phật Bộ Phụng Toà Chân Ngôn)

ॐ वीर वीरय ऋष

OM_ VĪRA VĪRĀYA SVĀHĀ

.) **Liên Hoa Bộ Chân Ngôn** là:

“**Úm, bát na-mãng, vi ra dā, sa ha**” (Đây là Liên Hoa Bộ Phụng Toà Chân Ngôn)

ॐ पद्म वीरय ऋष

OM_ PADMA-VĪRĀYA SVĀHĀ

.) **Kim Cang Bộ Chân Ngôn** là:

“**Úm, phạ nhật-ra, vi ra dā, sa ha**” (Đây là Kim Cang Bộ Phụng Toà Chân Ngôn)

ॐ वज्र वीरय ऋष

OM_ VAJRA-VĪRĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Chắp hai tay lại, mở rộng ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh, mở rộng trong lòng bàn tay cách nhau khoảng 4 ngón tay. Kèm dụng thẳng hai ngón cái với hai ngón út cùng dựa nhau (Đây là Phụng Liên Hoa Ấn thông cho cả ba Bộ)



_Nếu chuẩn bị sẵn áo, xiêm, chuỗi Anh Lạc... dùng Biện Sự Chân Ngôn trì tụng phụng hiến, kết Giới Pháp. Dùng Pháp **Kim Cang Quyết** dùng kết Địa Giới, dùng Pháp **Kim Cang Lô** kết phương bên trên.

Kim Cang Quyết Chân Ngôn là:

“**Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhật-ra, Phạ nhật-lị, bộ ra, măn đà măn đà, hồng, phần tra** (Đây là Kim Cang Quyết Chân Ngôn, tụng ba biến)

ॐ ऋ॒ ॐ॒ व॒ज्रं व॒ज्रं सु॒दृ॒षं व॒षं ॐ॒ रु॒द्र

OM _KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪR BANDHA BANDHA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay trái đem ngón giữa, ngón vô danh hướng ra ngoài nhập vào kẽ giữa ngón vô danh, ngón giữa của tay phải. Đem ngón vô danh trái quấn ngón vô danh phải, hai ngón út cùng dính đầu ngón, hai ngón cái cùng dính đầu ngón, dựng thẳng đứng hai ngón trỏ cùng dính đầu ngón. Dùng Ấn này dang hai cánh tay, khiến đầu hai ngón cái chạm đất, tôi tụng Chân Ngôn, thành **Kết Địa Giới** (Đây là Kim Cang Quyết Ấn)



_Tiếp theo, dùng **Kim Cang Câu Lan Chân Ngôn** với **Thủ Ấn**, dùng kết **Thượng Phương Giới**

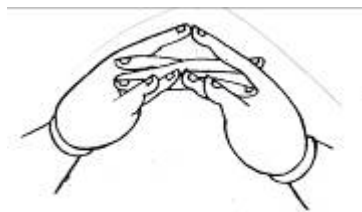
Chân Ngôn là:

“**Úm, vi sa-phỏ ra na ra khát-sa, phạ nhật-ra, bán nhạ ra, hồng, phần tra** (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Câu Lan Chân Ngôn)

ॐ व॒श्र॒र॒त्नं व॒ज्रं च॒क्रं ॐ॒ रु॒द्र

OM _VISPHURAD RAKṢA PAMJALA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy: Y theo Quyết Ấn lúc trước, chỉ đổi lại hai ngón cái nắm bên cạnh hai ngón trỏ. Nâng Ấn hướng lên trên rồi tụng Chân Ngôn, thành **Kết Không Giới** (Đây là Kim Cang Câu Lan Ấn)



_Dùng **Kim Cang Lô Chân Ngôn Thủ Ấn** làm lò Kim Cang

Chân Ngôn là:

“**Úm, tát ra tát ra, phạ nhật ra, bát-ra ca ra, hồng, phần tra**” (Đây là Kim Cang Lô Chân Ngôn)

ॐ स॒र॒रा स॒र॒रा व॒ज्रं प्र॒क॒र॒ा ॐ॒ रु॒द्र

OM _SARA SARA VAJRA-PRAKARA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy: Y theo Quyết Ấn lúc trước, chỉ đổi lại hai ngón cái mở bung ra đứng thẳng. Đưa Ấn từ phương Nam chuyển theo bên phải ba lần và tụng Chân Ngôn, thành tựu lò Kim Cang (Đây là Kim Cang Lô Ấn Pháp, nói rằng: dùng tướng bên trong của ba Giới lúc trước vậy)



_Tiếp theo, dùng **Kim Cang Quyển Sách Chân Ngôn Thủ Ấn**, kết **Đông Phương Giới**

Chân Ngôn là:

“**Úm, Phạ nhật-ra bá xa, hề-rị, già già nang, ma ra, hồng**” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Quyển Sách Chân Ngôn)

ॐ वज्र प क्षि गगन मल ह्र

OM VAJRA-PĀŚA HRĪḤ GAGANA-AMALA HŪḤ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay trái co ngón trở dựa vào gốc ngón cái, duỗi thẳng ngón cái đè móng ngón trở mở thành vòng tròn, ba ngón kia cùng nắm dính nhau dựng thẳng. Tay phải cũng vậy, đem lưng ba ngón tay phải đè dính bên trong ba ngón tay trái (Đây là Kim Cang Phật Sách Ấn, dùng kết Đông Phương Giới)



_Tiếp theo, dùng **Kim Cang Phan Chân Ngôn** với **Thủ Ấn**. Pháp kết **Tây Phương Giới**

Chân Ngôn là:

“**Úm, bát đấng kỳ ninh, ra tra**” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Phan Chân Ngôn)

ॐ पंगन र ह्र

OM PATAMGINI RAṬ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay trái nắm quyền, dựng thẳng ngón cái. Tay phải duỗi nắm ngón để bên trên đầu ngón cái trái, lòng bàn tay hướng vào thân, kết **Tây Phương Giới** (Đây là Kim Cang Phan Ấn Quyền. Tay phải như tay trái, cũng là Ấn này)



_Tiếp theo, **Kim Cang Ca Lị Chân Ngôn Thủ Ấn**, kết **Bắc Phương Giới**

Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-ra, ca lị, ra tra, măng tra** (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Ca Lị Chân Ngôn)

ॐ वज्र कल र म ह्र

OM VAJRA-KĀLI RAṬ MAṬ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Hai tay đem hai ngón cái, ngón út đều cùng trụ dính đầu ngón. Sáu ngón còn lại đều tự co hướng vào trong lòng bàn tay, đừng để cho lưng ngón

tay dính nhau, cũng không dính trong lòng bàn tay, kết **bắc Phương Giới** (Đây là Kim Cang Ca Li Ấn)



_Tiếp theo, **Kim Cang Phong Chân Ngôn Thủ Ấn**, kết **Nam Phương Giới**
Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-ra, thi khur ra, ra tra, măng tra**” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Phong Chân Ngôn)

ॐ वज्रसिंहात्मने सुहृ

OM_ VAJRA-SIKHARA RAṬ MAT

Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay trái nắm lại thành quyền, duỗi thẳng ngón cái. Tay phải đem ngón cái ngón trỏ phải cùng vịn đầu nhau, đầu ngón cái hơi ló ra. Đem cạnh bên dưới của tay Phải để trên đầu ngón cái trái, khiến ngón cái phải dựng thẳng, kết **nam Phương Giới** (Đây là Kim Cang Phong Ấn)



_Tiếp theo, dùng **Chân Ngôn trì tụng** vào lòng bàn tay phải bảy lần, đem chỉ, thành kết **hạ Giới**

Chân Ngôn là:

“**Úm, thương-thăng yết lệ, sa ha**” (Tụng bảy biến. Đây là Kết Hạ Giới Chân Ngôn, tụng ba biến cũng được)

ॐ ह्रीं क्लृप्ते ह्रीं

OM_ ŚAMKARE SVĀHĀ

_Tiếp theo, dùng **A Tam Mang Ngân Nễ Chân Ngôn** với **Thủ Ấn**, làm khắp Hoả Viện.

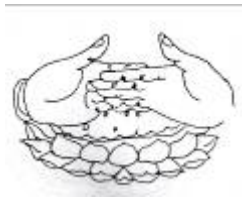
Chân Ngôn là:

“**Úm, a tam măng kỳ ninh, lê**”(Tụng ba biến. Đây là A Tam Măng Kỳ Ninh Chân Ngôn)

ॐ अममङ्गलिनः ह्रीः

OM_ ASAMAMGINI HRĪH

Tướng của Thủ Ấn ấy: đem lưng các ngón tay phải để bên trong ngón của tay trái, khiến không gặp nhau, hướng hai ngón cái thẳng lên trên, xoay Ấn theo bên phải một lần, liền thành Hỏa Viện (Đây là A Tam Măng Kỳ Ninh Ấn)



Tiếp theo, dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn kết Đại Giới lần nữa
Chân Ngôn là:

“**Úm, thượng-thăng yết lệ, mãng ha tam ma diệm, sa ha**” (Tụng bảy biến.
Đây là Kết Đại Giới Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM ŚAMKARE MAHĀ-SAMAYAM SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Hai tay đem ngón út, ngón vô danh cái chéo nhau trong lòng bàn tay, duỗi thẳng hai ngón giữa chạm đầu nhau, co hai ngón trở để ở lưng lóng trên của ngón giữa, không chạm vào ngón giữa như chày ba chia, hai ngón cái để bên cạnh hai ngón trở. Chuyên khắp tám phương, trên, dưới...với tụng trì Chân Ngôn, thành **Kết Đại Giới** (Đây là Kết Đại Giới Ấn)



Như vậy làm xong. Giả sử sát bên cạnh **Luân Vương Phật Đảnh** cùng trái nghịch với các Chân Ngôn khác, cũng chẳng thể gây hoại, cũng chẳng tổn giảm oai lực của Bản Tôn. Hết thầy **Phá Minh** cột trời với các Pháp **Khước Trước** đều chẳng được dịp thuận tiện gây hại. Chuẩn bị vật của nhóm Phạ Nhật-La (chày Kim Cang), các Kim Cang, sô châu, nhẫn, dây lưng, Thần Tuyền, vòng đeo tay, hoa sen, cờ xí v.v... Dùng nước thơm hoặc vật trong sạch khác, dùng Bản Tôn Chân Ngôn mà trì tụng. Vào lúc niệm tụng với Hộ Ma thời nên chuẩn bị đủ nhóm vật như trên

Tiếp theo, nói Pháp thành tựu các vật khác của nhóm Phạ Nhật-Ra. **Phạ Nhật-Ra** (Vajra) ấy tùy theo tương ứng ấy, để trong vật khí ngay trước mặt của mình, an trí trên tòa, dùng **Tử Đàn Hương** mà xoa bôi. Tiếp theo, dùng nhóm hương hoa, cầm giữ cúng dường, thỉnh Chủ của Chân Ngôn. Chân Ngôn ấy trì tụng vào hương hoa rồi dùng cúng dường, lại tụng một ngàn biến tức gọi là thành tựu.

Phạ Nhật-Ra Chân Ngôn đấy là:

“**Úm, độ na , phạ nhật-ra, ha**” (Đây là Thành Tựu Phạ Nhật Ra Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM DHUNA VAJRA HAḤ

Phạ Nhật-Ra ấy dùng nhóm Tử Đàn làm chày ba chia, rồi làm trì tụng một ngàn biến.

Tiếp theo, nói **Phật Bộ Tịnh Sô Châu Chân Ngôn** là:

“**Na mô ra đát-nang đát-ra dạ dã. Úm, át na bạc đế, vi nhạ duệ, tất địa , tất đà lật-thế, sa ha**” (Đây là Phật Bộ Tịnh Sô Châu Chân Ngôn)

नमः [वृत्तय्य उं सुकुग वरय्य महे मर्वय्य सुद
NAMO RATNA-TRAYĀYA
OM_ ADBHUTE VIJAYE SIDDHI SIDDHA-ARTHE SVĀHĀ

_ Liên Hoa Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn là:

“Na mô bát đặc-mãng bá noã duệ. Úm, ám một-lị đấng già mẹ, thất-lị duệ, thất-lị mang lý nễ, sa ha” (Đây là Liên Hoa Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn)

नमः पद्मपण्य उं सुसुगस्य वय्य वय्यवय्य सुद
NAMO PADMA-PĀNAYE
OM_ AMṚTĀNGA ME ŚRĪYE ŚRĪ-MĀLINI SVĀHĀ

_ Kim Cang Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn là:

“Na mô ra đất-nang đất-ra dạ dã. Na mǎng thất-chiến nōa phạ nhật-ra bá ninh duệ, ma được khát-sa, tế nang bát đá duệ. Úm, chỉ lị chỉ lị, lao tri-rị ni, sa ha” (Đây là Kim Cang Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn)

नमः [वृत्तय्य नमः शिवा वरुचण्य मलयक मनपण्य उं
कुकुके रुकुम सुद
NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ŚCANḌA-VAJRA-PĀNAYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATĀYE
OM_ KILI KILI RAUDRIṆI SVĀHĀ

Đều dùng **Tịnh Sở Châu Chân Ngôn** của ba Bộ này, tùy theo Bốn Bộ Chân Ngôn ấy, xỏ xuyên qua lỗ của Sở Châu, một một hạt châu trì tụng bảy biến, cho đến khi xỏ xâu qua và cột buộc xong. Lại nên trì tụng Chân Ngôn một trăm biến. Lại nên như Pháp mà Tịnh Sở Châu

_ Lại dùng Chân Ngôn này để làm thành tựu

.)Đầu tiên, **Phật Bộ Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn** là:

“Úm, na mô bà già phạ đế, tô tất đế, sa đà dã, tất đà lật-thế, sa ha” (Đây là Phật Bộ Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn)

उं नमः भगवते सुसिद्धि सधया मर्वय्य सुद
OM_ NAMO BHAGAVATE SUSIDDHI SĀDHAYA _ SIDDHA-ARTHA SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn là:

“Úm, phạ tô mǎng đế, thất-lị duệ, bát đặc-mãng man lý nễ, sa ha” (Đây là Liên Hoa Bộ Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn)

उं वसु मति श्रिय पद्ममल्ल सुद
OM_ VASU-MATI ŚRĪYE PADMA-MĀLINI SVĀHĀ

.) Kim Cang Bộ Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn là:

“Úm, phạ nhật-ra , nhĩ đām nhạ duệ, sa ha” (Đây là Kim Cang Bộ Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn)

उं वज्र जितं जये सुद
OM_ VAJRA JITAM JAYE SVĀHĀ

Dùng **Thành Tựu Sở Châu Chân Ngôn** này, thỉnh Bốn Bộ Chân Ngôn ấy ở trên Sở Châu (tràng hạt) cho đến khi cúng dường thời trì tụng một ngàn biến, dùng làm thành tựu.

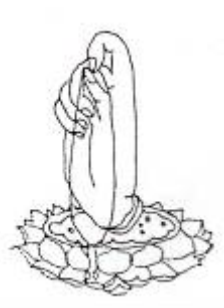
_Tiếp theo nói tướng của Thủ Ấn cầm nắm Sở Châu. Tay phải đem ngón cái vịn đầu ngón vô danh, duỗi thẳng ngón giữa, ngón út. Hơi co ngón trỏ dựa bên cạnh lóng trên của ngón giữa (Đây là Chấp Sở Châu Ấn thông cho cả ba Bộ)



_Tiếp theo, nói Tướng của Liên Hoa Bộ Chấp Sở Châu Ấn: Tay phải đem ngón cái vịn đầu ngón giữa, duỗi thẳng ba ngón còn lại. Tay trái cũng như thế (Đây là Liên Hoa Bộ Chấp Sở Châu Ấn)



_Tiếp theo, nói Tướng của Kim Cang Bộ Chấp Sở Châu Ấn: Tay phải nắm Quyền, giương thẳng ngón cái vịn ngón trỏ. Tay trái cũng như thế (Đây là Kim Cang Bộ Chấp Sở Châu Ấn)



_Dùng hạt **Hoạt Nhi** làm sở châu của Phật Bộ

Dùng hạt sen làm sở châu của Liên Hoa Bộ

Dùng hạt Lỗ Nại-Ra Xoa làm sở châu của Kim Cang Bộ

_Lại nói lấy hạt Hoạt Nhi, hạt sen, hạt Lỗ Nại-Ra Xoa, Thương Khư (ốc xà cừ) với đá, Mộc Hoạn, chì, sắt, thực đồng, Lưu Ly.... tùy ý lấy một loại, số hơn một trăm mà làm sở châu. Dùng tay phải cầm, Tâm không tán loạn, tụng Chân Ngôn xong, một lúc nên luôn qua, đừng khiến cho trước sau lẫn lộn.

Tiếp theo, nói Pháp **vòng đeo cánh tay**. Trong vòng đeo cánh tay ấy xâu một hạt Hoạt Nhi, dùng **Bộ Mẫu Chân Ngôn Thủ Ấn** trì tụng vào hương hoa rồi dùng cúng dường với rưới vẩy nước thơm. Trở lại, dùng Bộ Mẫu Chân Ngôn Thủ Ấn này thỉnh đi đến, gia trì trên cái vòng. Lại dùng Bộ Mẫu Chân Ngôn Thủ Ấn theo thứ tự cúng dường, cho đến trì tụng một ngàn biến.

Dùng cỏ **Nại Bà** làm cái nhẫn đeo ở ngón vô danh, dùng Bộ Tâm Chân Ngôn như lúc trước làm Pháp thành tựu, cho đến trì tụng một ngàn biến, đều làm Bồn Bộ, thứ tự nên biết.

Pháp **Dây thắt lưng**. Khiên Đồng Nữ xe hợp, dùng **Câu Tôn Bà** (Kusumbha: Đây là hoa Hồng Lam) nhuộm hoặc **Uất Kim** nhuộm. Như Pháp thành tựu lúc trước, cho đến trì tụng một ngàn biến. Vào lúc niệm tụng, lúc Hộ Ma cùng với lúc ngũ thời cột buộc ở eo lưng, hay chận đứng sự thoát Tinh.

Thành Tựu Yêu Tuyển Chân Ngôn là:

“Úm, a ra a ra, măn đà nễ, súc cật- ra đà ra ni, tất đà lật-thế, sa ha”

उं ह्रीं ह्रीं वृषे सुब्रह्मि मन्त्रे स्र

OM_ HĀRA HĀRA BANDHANI ŚŪKRA-DHĀRAṆĪ SIDDHA-ARTHA
SVĀHĀ

TÔ TÁT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG PHÁP
QUYÊN TRUNG (Hết)

.) Kim Cang Bộ Phụng Hoa Chân Ngôn là:

“Úm, bộ-ri nhạ-phạ lan đa nghệ, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Kim Cang Bộ Phụng Hoa Chân Ngôn)

ॐ सुहृन्निगण्डा स्वहा

OM_BHŪR JVALĀMTAGE SVĀHĀ

_Tiếp theo, lúc trước đã chà rửa sạch dơ cho đến quang trạch, hương đốt (thieu hương)...dùng Chân Ngôn này với Bốn Chân Ngôn trì tụng. Lại làm Thủ Ấn mà phụng hiến.

Phụng Thiêu Hương Chân Ngôn là:

“A súc phạ nang, sa-bát để ra tố, hạ-lật nễ-dã, kiện đà trị-dã, tô ra bộ nhạ, nang măng dạ, ninh phệ nễ đô, bạt cật để-dạ, độ báo súc, bát-ra để ngật-lật hứ-dã đản. Úm, a hạ ra, a hạ ra, tát ra-phạ vĩ nễ-dã đạt la, bố nhĩ đế, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Phụng Thiêu Hương Chân Ngôn, dùng thông cho cả ba Bộ)

ॐ यम वन अतिरसा हर्या गन्ध्या सुरभोज नामया निवेदितो भक्त्या धुबोयम प्रतग्रह्यनाम
ॐ अहारा अहारा सर्वा-विद्या-धारी पूजिते स्वाहा

AYAM VANA SPATIRASAU HRDYA GANDHĀDYA SURABHOJA NAMAYA NIVEDITO BHAKTYA DHUBOYAM PRATIGRHYANAM

OM_ĀHARA ĀHARA SARVA-VIDYĀ-DHARI PŪJITE SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Hai tay đem ngón út, ngón vô danh, ngón giữa kèm hướng vào bên trong, cong lại chạm lưng nhau, dựng thẳng hướng lên trên, cạnh bên của hai ngón trở cùng hướng lên trên cách nhau một hạt lúa không chạm nhau, hai ngón cái nắm dính cạnh bên của hai ngón trở (Đây là Phụng Thiêu Hương Chân Ngôn, dùng thông cho cả ba Bộ)



.)Lại, Phật Bộ Phụng Thiêu Hương Chân Ngôn là:

“Na mô ngật-ra mạn noã, vi sái duệ, thi khí ninh, sa ha” (Tụng bảy biến)

ॐ नमो ग्राम्णा-विषये सिखिनि स्वाहा

NAMO GRAMAṆḌA-VIṢAYE ŚIKHINI SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Thiêu Hương Chân Ngôn là:

“Úm, chiến nại-ra bà, mộng nũa lý, già-lật na, kỳ lý ni, hồng, phẩn tra” (Tụng bảy biến. Đây là Liên Hoa Bộ Thiêu Hương Chân Ngôn)

ॐ यश्चरु मन्त्रे यम यम हं हं

OM_CANDRĀBHA MAṆḌALI GHRṆA GHRṆI HŪM PHAT

.) Kim Cang Bộ Phụng Thiêu Hương Chân Ngôn là:

“Úm, vi tát ra, tát ra, hồng, phẩn tra” (Tụng bảy biến)

ॐ विसारि सारि हं हं

OM_VISARA SARA HŪM PHAT

Tiếp theo, lúc trước đã chà rửa chất dơ cho đến quang trạch, thức ăn uống...dùng Chân Ngôn này với Bốn Chân Ngôn trì tụng. Lại làm Thủ Ấn mà phụng hiến.

Phụng Thực Chân Ngôn là:

“Việt sái để nạn, ra sách hỷ lật nễ-dã, ế sái măn đa-ra thiết mộ ma lý, mãng dã (chỉ thành phụng hiến thức ăn cho nhóm Tôn này), ninh nễ đố, bạc cật để-dạ, bát-ra để cật-lật hứ-dã, bát-la tú na mê. Úm, a hạ ra, a hạ ra, tát ra-phạ vĩ nễ-dạ đạt ra, bố nhĩ đế, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Phụng Thực, dùng thông cho cả ba Bộ)

ॐ षडं [ॐ हृष्टं षडं मंत्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं
ॐ षडं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं
OṢADHENAM RASAU HRDYA EṢA MANTRA ŚANO BALIḤ MAYA
NIVEDITO BHAKTYA PRATIGṘHYA PRASIDAME

OM_ ĀHARA ĀHARA SARVA-VIDYĀ-DHARI PŪJITE SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Ngửa hai lòng bàn tay hướng về phía trước, cạnh bàn tay dính nhau, hai ngón vô danh đều chạm đầu nhau ở bên cạnh, hơi co hai ngón trở nắm dính cạnh ngón giữa, hai ngón cái nắm dính cạnh hai ngón trở, làm như tướng vốc nước. (Đây là Phụng Thực Ấn, dùng thông cho cả ba Bộ).



.)Lại, **Phật Bộ Phụng Thực Chân Ngôn** là:

“Úm, xé lê na nhĩ ni, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Phật Bộ Phụng Thực Chân Ngôn)

ॐ ऋदमीनं स्वहा
OM_ CCHEDA MĪNA SVĀHĀ

.) **Liên Hoa Bộ Phụng Thực Chân Ngôn** là:

“Úm, tiệm lộ khấn ninh, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Trung Bộ Phụng Thực Chân Ngôn)

ॐ विलोकिनि स्वहा
OM_ VILOKINI SVĀHĀ

.) **Kim Cang Bộ Phụng Thực Chân Ngôn** là:

“Úm, phạ nhật-lị ni, phat nhật-lam nghệ, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Hạ Bộ Phụng Thực Chân Ngôn)

ॐ वज्रम वज्रम स्वहा
OM_ VAJRIṆI VAJRĀṢṢE SVĀHĀ

Lại nên như lúc trước, chà rửa chất dơ cho đến quang trạch, thắp đèn...dùng Chân Ngôn này với Bốn Chân Ngôn trì tụng với làm Thủ Ấn mà phụng hiến.

Niên Đăng Chân Ngôn là:

“Ra cật-sô, cật-nang sai-dã (Hay giúp cho thanh tịnh, hay loại bỏ Vô Minh. Dùng nhóm này kiên thành phụng hiến, nguyện xin nhận lấy), bả vĩ đát-ra, thất-giả, đảm mô vĩ đàm măng nang, du bà măng y, ninh phệ nễ đố, bặt cật-đề dạ, nễ báo diêm, bát-ra để ngật-lật hứ-dã đản. Úm, a lộ ca dã, a lộ ca dã, tát ra-phạ vĩ nễ-để đạt ra, bô nhĩ đế, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Phụng Đẳng Chân Ngôn, dùng thông cho cả ba Bộ)

ॐ ऋषि पवित्रस्य तमोविदमः सुभ मय देवदेव सु
 देव्यं धरिग्रहं उं श्रुतय श्रुतयसु देवदेव पूजते सु
 RAKSOGHNAŚCA PAVITRAŚCA TAMOVIDHAM MANAḤ ŚUBHA
 MAYA NIVEDITO BHAKTYA DIPOYAM PRATIGRHYANĀM
 OM_ĀHARA ĀHARA SARVA-VIDYĀ-DHARI PŪJITE SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón giữa, ngón trỏ cùng vịn nhau đứng thẳng (Đây là Phụng Đẳng An, dùng thông cho cả ba Bộ)



.)Lại, **Phật Bộ Phụng Đẳng Chân Ngôn** là:

“Úm, a măng la, vu kiém để, để nhĩ ninh, sa ha (7 biến)

ॐ अमल कंठ तेजेन सुभ
 OM_ AMALA KANTI TEJENI SVĀHĀ

.) **Trung Bộ Phụng Đẳng Chân Ngôn** là:

“Úm, chiến-an ni, ninh như sai-nang, yét rị, hồng, phẩn tra” (Tụng ba biến. Đây là Trung Bộ Phụng Đẳng Chân Ngôn)

ॐ वृषि देवस्य करे हूं हूं
 OM_ CAṆḌA NIJA-STĀ-KARI HŪM PHAT

.) **Hạ Bộ Phụng Đẳng Chân Ngôn** là:

“Úm, vĩ phạ-lật đa, lộ giả nang, hồng, phẩn tra” (Tụng ba biến. Đây là Hạ Bộ Phụng Đẳng Chân Ngôn)

ॐ देवता देवस्य हूं हूं
 OM_ VIVRTA LOCANA HŪM PHAT

Chân Ngôn kèm Thủ Ấn, vận Tâm cúng dường. Nếu chẳng chuẩn bị được hoa xoa bôi cho đến đèn sáng cúng dường thì chỉ tụng Chân ngôn của nhóm hương xoa bôi như trên với làm Thủ Ấn, cũng thành cúng dường viên mãn.

_Tiếp theo, vận Tâm cúng dường. Dùng Tâm vận tưởng các hoa không có chủ ở trên bờ dưới nước đầy khắp hư không tận mười phương Giới cùng với mây hương xoa bôi màu nhiệm của Người, Trời... mây hương đốt, đèn sáng, phướng, phan, dù, lọng, mọi loại trống, nhạc, ca múa, kỹ xướng, châu báu, lưới võng, treo các chuông báu, vòng hoa, cây phát trắng, khánh mõ vi diệu, lưới Căng Yết Ni, cây báu Như Ý, quần áo...Các món ăn thượng diệu thơm ngon của cõi Trời, mọi loại lầu gác, cây trụ báu trang nghiêm. Các thứ nghiêm thân, mỗ đội đầu, chuỗi Anh Lạc của cõi Trời...Nhóm

mây như vậy, Hành Giả vận Tâm đầy khắp hư không, dùng Tâm chí thành, như vậy cúng dường. Đây là hơn hết

Người phát Hạnh đó, dùng Tâm quyết định mà thực hành Pháp này, vận Tâm cúng dường, tụng Chân Ngôn này với làm Thủ Ấn thì sự cúng dường đã tương như trên thầy đều thành tựu.

Chân Ngôn là:

“**Úm, tát ra-phạ tha kham, ô cốt na-nghiệt đế, sa-phả ra, hứ môn, già già nang kiếm, sa ha**” (Tụng bảy biến. Đây là Thành Tựu Vận Tâm Cúng Dường Chân Ngôn)

ॐ सार्वथा खम उदगते स्फरा हिमाम गगनाकाम

OM SARVATHĀ KHAM UDGATE SPHARA HĪMAM GAGANAKĀM SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Hai tay cài chéo nhau rồi chấp lại, bên phải đè bên trái, rồi để ở trên đánh (Đây là Thành Tựu Vận Tâm Cúng Dường Thủ Ấn)



Phàm làm cúng dường, nên đủ Pháp này, Tâm chí thành tin tưởng với phụng hiến Āt Già đều dùng Chân Ngôn Thủ Ấn trì tụng thành tựu, cùng với vận Tâm chấp tay để trên đánh thì mới thành Pháp cúng dường viên mãn.

Toà ngồi của thân mình. Dùng cỏ **Nại Bà** hoặc nhóm cỏ khác dùng làm cái toà ấy, dài 16 ngón tay, dày bốn ngón tay, rộng 12 ngón tay...tùy theo thành tựu ấy với việc sai khác, tương ứng mà làm Toà ngồi.

Pháp ngồi ấy, lược có ba loại. Một là ngồi Kiết Già, hai là ngồi Bán Già, ba là ngồi **Ký Hiền**. Khiên thân ngay thẳng, dùng để lay động rồi làm niệm tụng. Dùng Thủ Ấn ấy cầm sổ châu (tràng hạt) để ngang trước trái tim mà làm niệm tụng.

Trước tiên lễ Tam Bảo, tiếp theo lễ Bốn Tôn, sau đó lễ khắp các nhóm Tôn khác, rồi làm niệm tụng. Đầu tiên nên quán sát Bồ Tôn trong giây lát, sau đó niệm tụng, khoảng giữa dùng khởi các phân biệt ác với nhóm mừng, giận...Khi chánh niệm tụng, trì quán trên trái tim của Bốn Tôn ấy có văn tự của Chân Ngôn, hoặc Tâm vắng lặng mà làm niệm tụng.

Pháp **niệm tụng** chẳng mau chẳng chậm, cũng chẳng cao giọng cũng chẳng quá nhỏ, khoảng giữa chẳng nên nói chuyện với người khác, cũng chẳng để Tâm duyên với các cảnh giới bên ngoài.

Văn Tự của Chân Ngôn chẳng được sai lầm, nên quán Bốn Tôn như đối trước mắt. Hai thời sáng sớm, chiều tối nên đủ biến số. Giờ Ngọ thì giảm bớt một nửa cho đến chút ít phần.

Ở trong Chân Ngôn có chữ **Úm** (OM) ấy với chữ **Quy Mạng** thì nên lắng Tâm tụng

Nếu làm việc Tức Tai, Tăng Ích thì nên niệm tụng nhỏ tiếng.

Chân Ngôn có chữ **Hồng** (HŪM) ấy với chữ **Phán Tra** (PHAT) thì nên tụng mạnh mẽ giận dữ

Nếu làm **Tổn Tha** (tổn hại người khác) thì khi niệm tụng khiến cho người khác nghe

Phạm Chân Ngôn có số chữ nhiều, ít. Từ một đến bốn chữ thì nên tụng đủ một **Câu Chi** (Koṭi:Trăm triệu) biến. Từ năm chữ đến mười chữ thì mỗi một chữ nên tụng một **Lạc Xoa** (Lakṣa:mười vạn) biến. Mười lăm chữ trở lên đến 32 chữ thì tụng ba Lạc Xoa. Số vượt hơn đây thì tụng một vạn biến. Ở mỗi một Thời như Pháp niệm tụng. Ký Số xong rồi, tùy theo ước nguyện cùng với thành tựu thì ân cần cầu xin.

Hộ Bồn Tôn. Trong Phật Bộ dùng **Phật Nhãn Chân Ngôn** ứng hộ Bồn Tôn chưa định. Trong Trung Bộ (Liên Hoa Bộ) dùng **Bán Noã La Phạ Tư Ninh Chân Ngôn** (Bach Y Chân Ngôn) ứng hộ Bồn Tôn. Trong Hạ Bộ (Kim Cang Bộ) dùng **mang Mãng Kế Chân Ngôn** ứng hộ Bồn Tôn.

Đầu tiên, khi muốn tụng với lúc xong, vào hai thời này nên hộ Bồn Tôn.

Chân Ngôn đã tụng, nếu an định thì nên dùng Chân Ngôn mạnh giận để hộ Bồn Tôn. Hoặc dùng Bộ Chủ để hộ Bồn Tôn

Chân Ngôn đã tụng, nếu mạnh giận thì nên dùng an định để hộ Bồn Tôn. Hoặc dùng Bộ Chủ để hộ Bồn Tôn.

Chân Ngôn đã dùng, nếu hoan hỷ thì nên dùng hai loại mạnh giận và an định để hộ Bồn Tôn.

Hồi Thí Công Đức. Tụng xong rồi, nên dùng Bộ Mẫu hộ biến số ấy, dâng gửi cho Bộ Chủ, nên nói như vậy: *“Tất cả hữu tình bị Vô Minh che chắn, chỉ cầu Bồ Đề tin nhận. Nay con vì kẻ kia, chẳng phải vì thân mình. Nguyện xin Đức Thế Tôn, khi thành tựu thời hoàn lại biến số cho con”*

Niệm tụng xong rồi. Tiếp theo cầm vật khí Át Già để ở thân đánh mà phụng hiến. Lại cúng dường vật của nhóm hương hoa lần nữa, làm Tam Ma Da, làm Pháp lần nữa, dùng Bộ Mẫu hộ Bồn Tôn lần nữa. Cũng dùng Bộ Mẫu, hoặc dùng Minh Vương tự hộ thân của mình, làm **A Tam Mang Kỳ Ninh Ấn**, tụng Chân Ngôn ấy, chuyên Ấn ấy theo bên trái, chỗ đã hay hộ lúc trước thầy đều giải bỏ.

Tướng của Thủ Ấn ấy: Dựa theo Phụng Thịnh Ấn, chỉ sửa hai ngón cái hướng ra ngoài đưa tiền, liền thành **Phát Khiển**. Ở trong Phụng Thịnh Chân Ngôn ấy gia thêm câu **“Đi, đi”** liền thành Phát Khiển

Hộ Ma Phần. Như ở **Niệm Tụng Thứ Đệ Hộ Ma**...hết thầy tám gọi cho đến phụng thỉnh Bồn Tôn đều đồng niệm tụng Pháp Tắc

Củ Hộ Ma ấy là: cây **Ô Đàm Mạt La**, cây **Á Thuyết Tha**, cây **At Ca**, cây **La Xà Át Ca**, cây **Mãng Nang Già**, cây **A Thâu Ca**, cây **Mật Loa**, cây **Ni Câu Luật**, cây **Am Một La**, cây **Khước Địa La**, cây **Thiểm Trân**, cây **Bát Lạc Xoa**, cây **A Ba Mạt Già**, cây **Mãng Độ Ca**, cây **Niêm Mục Ca**...Lấy nhóm cây như vậy, chặt khoảng 10 ngón tay, ở các thành tựu cùng với việc Tức Tai, Tăng Ích, Tổn Tha (tổn hại người khác) mà làm Hộ Ma

Vật Hộ Ma ấy là: hoa sen, váng sữa đặc (lạc), com, bơ, sữa, mè (hồ ma), mật, hạt cải, muối...Khoảng giữa thân mình với trước mặt Bồn Tôn, để cái lò ấy, vuông vức một khuỷu tay. Hoặc ngay bên ngoài cái Thất khiến thầy đối Bồn Tôn, như Pháp mà làm, bốn mặt đều an thêm bậc. Miệng lò để đường viên cao khoảng bốn ngón tay, trong lò an bánh xe (luân), nhóm Ấn của các vật khác đều cao một ngón tay. Dùng Cồ Ma Di (phân bò) hoà với nước đá bò xoa tô, dùng nước thơm rưới vảy. Ở trên thêm bậc ấy thuận bày cỏ Nại Bà màu xanh. Hết thầy vật của nhóm củ Hộ Ma để ở bên

